

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2014

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc đặt tên các tuyến đường và công trình công cộng  
trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn  
và thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính Phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính Phủ;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về đặt tên các tuyến đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất đặt tên cho các tuyến đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn và thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, cụ thể như sau:

1. Đặt tên cho 43 tuyến đường trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi (Chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo).

2. Đặt tên cho 25 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn (Chi tiết theo Phụ lục 2 kèm theo).

3. Đặt tên cho 49 tuyến đường và 02 công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ (Chi tiết theo Phụ lục 3 kèm theo).

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XI thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2014, tại kỳ họp thứ 11./.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Trương Thị Xuân Hồng**

**Phụ lục I**  
**ĐẶT TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN**  
**THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2014  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

1. Đường: **Lý Thánh Tông** - tuyến ký hiệu 01; phường Quảng Phú.
  - Điểm đầu: Đường Nguyễn Chí Thanh.
  - Điểm cuối: Đường số 4 (*ký hiệu đường chưa được đặt tên*).
  - Chiều dài: 1.441m.
  - Mặt cắt ngang: 25m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (5 - 15 - 5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
2. Đường: **Nguyễn Trường Tộ** - tuyến ký hiệu 02; phường Quảng Phú.
  - Điểm đầu: Đường Lý Thánh Tông.
  - Điểm cuối: Đường số 6 (*ký hiệu đường chưa được đặt tên*).
  - Chiều dài: 663m.
  - Mặt cắt ngang: 15,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4 - 7,5 - 4).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
3. Đường: **Đặng Văn Ngữ** - tuyến ký hiệu 03; phường Nghĩa Lộ.
  - Điểm đầu: Đường Lê Hữu Trác.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Đình Chiểu.
  - Chiều dài: 423m.
  - Mặt cắt ngang: 16,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
4. Đường: **Xuân Diệu** - tuyến ký hiệu 04; phường Nghĩa Lộ.
  - Điểm đầu: Đường Trần Tế Xương.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Đình Chiểu.
  - Chiều dài: 239m.
  - Mặt cắt ngang: 16,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
5. Đường: **Hồ Đắc Di** - tuyến ký hiệu 05; phường Nghĩa Lộ.
  - Điểm đầu: Đường Lê Hữu Trác.
  - Điểm cuối: Đường Trần Tế Xương.
  - Chiều dài: 180m.
  - Mặt cắt ngang: 16,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
6. Đường: **Lý Đạo Thành** - tuyến ký hiệu 06; phường Trần Phú.
  - Điểm đầu: Đường An Dương Vương.
  - Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.

- Chiều dài: 440m.
  - Mặt cắt ngang: 12,0m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
7. Đường: **Thành Thái** - tuyến ký hiệu 07; phường Trần Phú.
- Điểm đầu: Đường Chu Văn An.
  - Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.
  - Chiều dài: 764m.
  - Đường có 2 mặt cắt:
  - \* Đoạn 1 từ đường Chu Văn An đến đường Trương Định:
  - + Chiều dài: 300m.
  - + Mặt cắt ngang: 7,5m.
  - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 4,5 - 1,5).
  - + Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
  - \* Đoạn 2 từ đường Trương Định đến đường Trần Cao Vân:
  - + Chiều dài: 464m.
  - + Mặt cắt ngang: 12,0m.
  - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
  - + Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (đoạn từ đường Trương Định - đường Tố Hữu) và láng nhựa (đoạn từ đường Tố Hữu - đường Trần Cao Vân).
8. Đường: **Nguyễn Tấn Kỳ** - tuyến ký hiệu 08; phường Trần Phú.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Khuyến.
  - Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.
  - Chiều dài: 594m.
  - Đường có 2 mặt cắt:
  - \* Đoạn 1 từ đường Nguyễn Khuyến đến đường Trương Định.
  - + Chiều dài: 130m.
  - + Mặt cắt ngang: 7,5m.
  - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 4,5 - 1,5).
  - + Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
  - \* Đoạn 2 từ đường Trương Định đến đường Trần Cao Vân.
  - + Chiều dài: 464m.
  - + Mặt cắt ngang: 12,0m.
  - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
  - + Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (đoạn từ đường Trương Định - đường Tố Hữu) và láng nhựa (đoạn từ đường Tố Hữu - đường Trần Cao Vân).
9. Đường: **Huyền Trân Công Chúa** - tuyến ký hiệu 9; phường Trần Phú.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Tự Tân.
  - Điểm cuối: Đường Huyền Trân Công Chúa.
  - Chiều dài: 365m.
  - Mặt cắt ngang: 8,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 5,5 - 1,5).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa (đoạn từ đường Nguyễn Tự Tân - đường đất) và cấp phối (đoạn từ đường đất - đường Huyền Trân Công Chúa).

10. Đường: **Trần Thái Tông** – tuyến ký hiệu 10; phường Trần Phú.
- Điểm đầu: Đường Tô Hiến Thành.
  - Điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản.
  - Chiều dài: 608m.
  - Mặt cắt ngang: 8,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,5 – 7,5 – 0,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
11. Đường: **Đoàn Khắc Nhượng** - tuyến ký hiệu 11; phường Lê Hồng Phong.
- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.
  - Điểm cuối: Khu dân cư.
  - Chiều dài: 160m.
  - Mặt cắt ngang: 14,0m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,0 - 3,5).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa (đoạn từ đường Đoàn Khắc Cung - đường Trần Công Hiến) và Bê tông xi măng (đoạn từ đường Trần Công Hiến - Khu dân cư).
12. Đường: **Phạm Hàm** - tuyến ký hiệu 12; phường Lê Hồng Phong.
- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.
  - Điểm cuối: Khu dân cư.
  - Chiều dài: 133m.
  - Mặt cắt ngang: 12,0m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
13. Đường: **Trịnh Công Sơn** - tuyến ký hiệu 13; phường Lê Hồng Phong.
- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.
  - Điểm cuối: Khu dân cư.
  - Chiều dài: 176m.
  - Mặt cắt ngang: 14,0m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,0 - 3,5).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
14. Đường: **Cẩm Thành** - tuyến ký hiệu 14; phường Lê Hồng Phong.
- Điểm đầu: Phía Đông Phạm Văn Đồng.
  - Điểm cuối: Phía Tây Phạm Văn Đồng.
  - Chiều dài: 1.864m.
  - Mặt cắt ngang: 6,5 ÷ 10,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 ÷ 2,5 – 3,5 ÷ 5,5 – 1,5 ÷ 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
15. Đường: **Trương Đăng Trinh** - tuyến ký hiệu 15; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
  - Điểm cuối: Đường Vĩnh Ký.
  - Chiều dài: 228m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
16. Đường: **Trương Vĩnh Ký** - tuyến ký hiệu 16; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
  - Điểm cuối: Đường Phan Đình Phùng.
  - Chiều dài: 357m.
  - Mặt cắt ngang: 16,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
17. Đường: **Thái Thú** - tuyến ký hiệu 17; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Phan Văn Trị.
  - Điểm cuối: Đường Phan Đình Phùng.
  - Chiều dài: 131m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
18. Đường: **Phan Văn Trị** - tuyến ký hiệu 18; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trương Vĩnh Ký.
  - Điểm cuối: Đường Trường Chinh.
  - Chiều dài: 228m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
19. Đường: **Nguyễn Thái Học** - tuyến ký hiệu 19; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
  - Điểm cuối: Đường Trường Chinh.
  - Chiều dài: 471m.
  - Mặt cắt ngang: 32,0m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,25 - 23,5 - 4,25).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
20. Đường: **Phạm Tuấn** - tuyến ký hiệu 20; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
  - Điểm cuối: Đường Trương Đăng Trình.
  - Chiều dài: 324m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
21. Đường: **Võ Hàn** - tuyến ký hiệu 21; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Thái Học.
  - Chiều dài: 160m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
22. Đường: **Mai Xuân Thưởng** - tuyến ký hiệu 22; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Võ Hàn.
  - Điểm cuối: Đường Xuân Thủy.

- Chiều dài: 285m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
23. Đường: **Xuân Thủy** - tuyến ký hiệu 23; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Thái Học.
  - Chiều dài: 137m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
24. Đường: **Đường Ngọc Cảnh** - tuyến ký hiệu 24; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
  - Điểm cuối: Đường Lý Chính Thắng.
  - Chiều dài: 278m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
25. Đường: **Vân Đông** - tuyến ký hiệu 25; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Đường Ngọc Cảnh.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Trung Trực.
  - Chiều dài: 119m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
26. Đường: **Nguyễn Trung Trực** - tuyến ký hiệu 26; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Đinh Duy Tự.
  - Điểm cuối: Đường Đường Ngọc Cảnh.
  - Chiều dài: 323m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
27. Đường: **Lý Chính Thắng** - tuyến ký hiệu 27; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
  - Điểm cuối: Đường Trần Quang Khải.
  - Chiều dài: 356m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
28. Đường: **Phạm Đường** - tuyến ký hiệu 28; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Lý Chính Thắng.
  - Điểm cuối: Đường Võ Thị Đệ.
  - Chiều dài: 147m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.

- Vía hè - lòng đường - vía hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
29. Đường: **Nguyễn Văn Trỗi** - tuyến ký hiệu 29; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
  - Điểm cuối: Đường Võ Thị Đệ.
  - Chiều dài: 426m.
  - Đường có 2 mặt cắt:
- \* Đoạn 1 từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến đường Mạc Đăng Dung:
- + Chiều dài: 135m.
  - + Mặt cắt ngang: 24,0m.
  - + Vía hè - lòng đường - vía hè: (3,0 - 18,0 - 3,0).
- \* Đoạn 2 từ đường Mạc Đăng Dung đến đường Võ Thị Đệ:
- + Chiều dài: 291m.
  - + Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - + Vía hè - lòng đường - vía hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
30. Đường: **Mạc Đăng Dung** - tuyến ký hiệu 30; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Tri Phương.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
  - Chiều dài: 144m.
  - Mặt cắt ngang: 13,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vía hè: (3,0 - 7,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
31. Đường: **Đinh Duy Tự** - tuyến ký hiệu 31; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Mạc Đăng Dung.
  - Điểm cuối: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
  - Chiều dài: 167m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vía hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
32. Đường: **Trần Quý Cáp** - tuyến ký hiệu 32; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
  - Chiều dài: 150m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vía hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
33. Đường: **Đinh Triều** - tuyến ký hiệu 33; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Năng Lự.
  - Điểm cuối: Đường Quang Trung.
  - Chiều dài: 330m.
  - Đường có 3 mặt cắt:
- \* Đoạn 1 từ đường Nguyễn Năng Lự đến Ngã 3:
- + Chiều dài: 30m.



- + Mặt cắt ngang: 8,5m.
  - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 5,5 - 1,5).
  - + Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
  - \* Đoạn 2 từ Ngã 3 đến Ngã 4:
  - + Chiều dài: 200m.
  - + Mặt cắt ngang: 5,0m.
  - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 5,0 - 0,0).
  - + Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
  - \* Đoạn 3 từ Ngã 4 đến đường Quang Trung:
  - + Chiều dài: 100m.
  - + Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 7,0 - 0,0).
  - + Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
34. Đường: **Kim Đồng** - tuyến ký hiệu 34; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Khu dân cư.
  - Điểm cuối: Đường Vạn Tường.
  - Chiều dài: 290m.
  - Mặt cắt ngang: 8,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 5,5 - 1,5).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
35. Đường: **Chu Huy Mân** - tuyến ký hiệu 35; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường 11m (đường mới chưa đặt tên).
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Du.
  - Chiều dài: 264m.
  - Mặt cắt ngang: 9,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,0 - 5,5 - 2,0).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
36. Đường: **Trần Nam Trung** - tuyến ký hiệu 36; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Chu Huy Mân.
  - Điểm cuối: Đường Trương Quang Giao.
  - Chiều dài: 142m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
37. Đường: **Trương Quang Đản** - tuyến ký hiệu 37; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Chu Huy Mân.
  - Điểm cuối: Đường Trần Thị Hiệp.
  - Chiều dài: 209m.
  - Mặt cắt ngang: 9,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,0 - 5,5 - 2,0).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
38. Đường: **Trần Thủ Độ** - tuyến ký hiệu 38; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Khánh Dư.
  - Điểm cuối: Đường Gôm chưa thi công.

- Chiều dài: 658m.
  - Mặt cắt ngang: 18,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,0 - 10,5 - 4,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
39. Đường: **Lý Chiêu Hoàng** - tuyến ký hiệu 39; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Thủ Độ.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn An.
  - Chiều dài: 235m.
  - Mặt cắt ngang: 14,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,5 - 3,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
40. Đường: **Nguyễn Hữu Cảnh** - tuyến ký hiệu 40; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Thủ Độ.
  - Điểm cuối: Đường Trần Khánh Dư.
  - Chiều dài: 632m.
  - Mặt cắt ngang: 18,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,0 - 10,5 - 4,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
41. Đường: **Nguyễn An** - tuyến ký hiệu 41; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Cảnh.
  - Điểm cuối: Đường Gom chưa thi công.
  - Chiều dài: 284m.
  - Mặt cắt ngang: 14,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,5 - 3,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
42. Đường: **Trần Anh Tông** - tuyến ký hiệu 42; Xã Nghĩa Đông và Nghĩa Dũng.
- Điểm đầu: Giáp địa giới hành chính xã Nghĩa Hà.
  - Điểm cuối: Ngã tư Ba La.
  - Chiều dài: 3.986m.
  - Mặt cắt ngang: 7,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 7,5 - 0,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
43. Đường: **Hồ Quý Ly** - tuyến ký hiệu 43; xã Nghĩa Đông và Nghĩa Dũng.
- Điểm đầu: Hết địa phận xã Nghĩa Hà.
  - Điểm cuối: Ngã tư Ba La.
  - Chiều dài: 3.800m.
  - Mặt cắt ngang: 7,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 7,5 - 0,0).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
-

**Phụ lục II**  
**ĐẶT TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG**  
**TẠI THỊ TRẤN CHÂU Ổ, HUYỆN BÌNH SƠN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

1. Đường: **Phạm Văn Đồng** (Quốc lộ 1A)
  - Điểm đầu: Ngã tư Quốc lộ 1 với đường huyện 03 – Số hiệu DH 03.
  - Điểm cuối: Cầu Sỏi Bình Long.
  - Chiều dài: 2.193m.
  - Mặt cắt ngang: 20,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
2. Đường: **Trần Kỳ Phong**
  - Điểm đầu: Huyện đội (Đường tỉnh 621)
  - Điểm cuối: Quán cafe Thành Tiên
  - Chiều dài: 1.209m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
3. Đường: **Tế Hanh**
  - Điểm đầu: Quốc lộ 1A (phía bắc cầu Châu Ổ)
  - Điểm cuối: Trung tâm thể dục thể thao huyện.
  - Chiều dài: 908m.
  - Mặt cắt ngang: 10,5m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
4. Đường: **Phan Diệt**
  - Điểm đầu: Quốc lộ 1A
  - Điểm cuối: Nhà ông Lang (công an).
  - Chiều dài: 845m.
  - Mặt cắt ngang: 4,5m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
5. Đường: **Nguyễn Tự Tân**
  - Điểm đầu: Nhà ông Trương Quang Diêm (Tổ dân phố 2).
  - Điểm cuối: Huyện Đội (Đường tỉnh 621).
  - Chiều dài: 926m.
  - Mặt cắt ngang: 7,5m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
6. Đường: **Trần Công Hiến**
  - Điểm đầu: Cầu Sài
  - Điểm cuối: Ngã 3 Chí Nguyễn

- Chiều dài: 720m.
- Mặt cắt ngang: 7,5m.
- Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

7. Đường: **Vạn Tường**

- Điểm đầu: Quốc lộ 1A
- Điểm cuối: Trung Tâm Thể dục thể thao huyện
- Chiều dài: 720m.
- Mặt cắt ngang: 7,0m.
- Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

8. Đường: **Huỳnh Tấn**

- Điểm đầu: Quốc lộ 1A
- Điểm cuối: Giáp xã Bình Trung (đường huyện 01).
- Chiều dài: 412m.
- Mặt cắt ngang: 7,5m.
- Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

9. Đường: **Quỳnh Lưu**

- Điểm đầu: Quốc lộ 1A (phía Bắc cầu Châu Ô)
- Điểm cuối: Giáp xã Bình Trung.
- Chiều dài: 820m.
- Mặt cắt ngang: 5,5m.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

10. Đường: **Lê Ngung**

- Điểm đầu: Quốc lộ 1A (phía Nam cầu Châu Ô)
- Điểm cuối: Giáp Bình Thới (Núi Châu Má).
- Chiều dài: 740m.
- Mặt cắt ngang: 7,0m.
- Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

11. Đường: **Lê Thị Hành**

- Điểm đầu: Đường tỉnh 621 (Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện)
- Điểm cuối: Đền giáp đường Cầu Sói – Huyện đội.
- Chiều dài: 706m.
- Mặt cắt ngang: 7,0m.
- Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

12. Đường: **Nguyễn Bi**

- Điểm đầu: Đường tỉnh 621
- Điểm cuối: Đền Sân vận động thị trấn Châu Ô.
- Chiều dài: 696m.
- Mặt cắt ngang: 4m.

- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
13. Đường: **Võ Quán**
- Điểm đầu: Quốc lộ 1A
  - Điểm cuối: Đến nhà Mạnh Cường.
  - Chiều dài: 612m.
  - Mặt cắt ngang: 6,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
14. Đường: **Võ Thị Đệ**
- Điểm đầu: Quốc lộ 1A
  - Điểm cuối: Bệnh viện Đa khoa huyện Bình Sơn.
  - Chiều dài: 550m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường nhựa.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
15. Đường: **Trần Thị Khải**
- Điểm đầu: Quốc lộ 1A (nhà Bà Nguyệt)
  - Điểm cuối: Trung tâm Thể dục thể thao huyện.
  - Chiều dài: 530m.
  - Mặt cắt ngang: 6,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
16. Đường: **Ngô Đạt**
- Điểm đầu: Quốc lộ 1A
  - Điểm cuối: Giáp Bình Long.
  - Chiều dài: 456m.
  - Mặt cắt ngang: 6,0m
  - Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
17. Đường: **Huỳnh Thị Thanh Trà**
- Điểm đầu: Quốc lộ 1A
  - Điểm cuối: Đường tỉnh 621 (đoạn Nhà may Khiêm).
  - Chiều dài: 428m.
  - Mặt cắt ngang: 3,5m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.
18. Đường: **Phạm Chương**
- Điểm đầu: Bờ kè Tây Nam sông Trà Bồng
  - Điểm cuối: Nhà Ông Tui (Vẽ).
  - Chiều dài: 420m.
  - Mặt cắt ngang: 3,5m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng.

**19. Đường: Huỳnh Tấn Lợi**

- Điểm đầu: Quốc lộ 1A (Chùa Diệu Giác)
- Điểm cuối: Đền Trường Lê Quý Đôn.
- Chiều dài: 417m.
- Mặt cắt ngang: 3,5m.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

**20. Đường: Nguyễn Công Say**

- Điểm đầu: Đường tỉnh 621 (đối diện nhà ông Nguyễn Hồng)
- Điểm cuối: Bờ kè Đông Nam sông Trà Bồng.
- Chiều dài: 410m.
- Mặt cắt ngang: 3,5m.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

**21. Đường: Võ Đức Quốc**

- Điểm đầu: Bờ kè Tây nam sông Trà Bồng
- Điểm cuối: Đền nhà ông Hoàng.
- Chiều dài: 500m.
- Mặt cắt ngang: 3,5m.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

**22. Đường: Tu Nhân Đạo**

- Điểm đầu: Quốc lộ 1A
- Điểm cuối: Chùa Từ Vân.
- Chiều dài: 310m.
- Mặt cắt ngang: 4,5m.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

**23. Đường: Đoàn Khắc Nhượng**

- Điểm đầu: Bờ kè Bắc sông Trà Bồng (nhà ông Sơn)
- Điểm cuối: Đền Trường PTTH Bình Sơn.
- Chiều dài: 355m.
- Mặt cắt ngang: 6,0 m.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

**24. Đường: Nguyễn Văn Hoàng**

- Điểm đầu: Đường huyện 01 - (đoạn nhà ông Súly)
- Điểm cuối: Bờ đê sông Trà Bồng.
- Chiều dài: 113m.
- Mặt cắt ngang: 6,0m.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
- Hệ thống đường: Hiện trạng.

**25. Đường: Trần Bằng**

- Điểm đầu: Đường huyện 01 -(đoạn đối diện nhà Ông Hồng)
- Điểm cuối: Nhà ông Thuận.
- Chiều dài: 600m.

- 
- Mặt cắt ngang: 3,5m.
  - Kết cấu mặt đường: Đường bê tông.
  - Hệ thống đường: Hiện trạng./.
-

**Phụ lục III****ĐẶT TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG  
TẠI THỊ TRẤN ĐỨC PHỔ, HUYỆN ĐỨC PHỔ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2014  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

**I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐẶT TÊN**

1. Đường: **Nguyễn Tất Thành** - tuyến ký hiệu 01.
  - Đường tránh Đông.
  - Điểm đầu: Giáp đầu cầu Bà Hợi (xã Phổ Ninh).
  - Điểm cuối: Giáp trạm Cảnh sát giao thông Đức Phổ.
  - Chiều dài: 9.712m.
  - Mặt cắt ngang: 62,5m
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
2. Đường: **Ngô Quyền** - tuyến ký hiệu 02.
  - Đường tránh Đông đi cửa Mỹ Á.
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Tất Thành (đường tránh Đông).
  - Điểm cuối: Giáp cửa Mỹ Á.
  - Chiều dài: 1.340m.
  - Mặt cắt ngang: 26m.
  - Kết cấu mặt đường: bê tông nhựa.
3. Đường: **Trần Hưng Đạo** - tuyến ký hiệu 03.
  - Từ Quốc lộ 1A (cũ) đến cầu vượt đường tránh Đông.
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Tất Thành (đường tránh Đông).
  - Điểm cuối: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
  - Chiều dài: 2.000m.
  - Mặt cắt ngang: 26m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
4. Đường: **Nguyễn Nghiêm** - tuyến ký hiệu 04.
  - Từ Cầu Bà Hợi đến Cầu Bàu (đường Quốc lộ 1A cũ).
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Tất Thành.
  - Điểm cuối: Giáp đường Hùng Vương.
  - Chiều dài: 4.500m.
  - Mặt cắt ngang: 32m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
5. Đường: **Lê Thánh Tôn** - tuyến ký hiệu 05.
  - Từ Quốc lộ 1A (cũ) đi Khu Công nghiệp (KCN) Phổ Phong.
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm,
  - Điểm cuối: Giáp đường đi KCN Phổ Phong.
  - Chiều dài: 1.170m.
  - Mặt cắt ngang: 26m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
6. Đường: **Phạm Quy** - tuyến ký hiệu 06.



- Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Tất Thành (*đường tránh Đông*),
  - Điểm cuối: Giáp đường Võ Thị Sáu.
  - Chiều dài: 750m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
7. Đường: **Võ Thị Sáu** - tuyến ký hiệu 07.
- *Đường đi UBND xã Phó Minh.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Tất Thành (*đường tránh Đông*).
  - Điểm cuối: Giáp đường Phạm Văn Đồng.
  - Chiều dài: 500m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.
8. Đường: **Nguyễn Trãi** - tuyến ký hiệu 08.
- Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Tất Thành.
  - Điểm cuối: Giáp đường Lê Lợi.
  - Chiều dài: 810m.
  - Mặt cắt ngang: 21m
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
9. Đường: **Lê Lợi** - tuyến ký hiệu 09.
- *Đường cầu bà Kỳ đi Ngã 3 bà Bướm (đường quy hoạch).*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Trãi.
  - Điểm cuối: Giáp đường Quang Trung.
  - Chiều dài: 1.500m.
  - Mặt cắt ngang: 21,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
10. Đường: **Phạm Văn Đồng** - tuyến ký hiệu 10.
- *Đổi diện Khu Tưởng niệm huyện Đức Phổ.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Trần Hưng Đạo (*Quốc lộ 1A - Mỹ Á*).
  - Điểm cuối: Giáp đường Hùng Vương (*Quốc lộ 1A – Phó Vinh*).
  - Chiều dài: 2.660m.
  - Mặt cắt ngang: 26,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
11. Đường: **Trương Quang Trọng** - tuyến ký hiệu 11.
- Điểm đầu: Giáp đường Trần Hưng Đạo.
  - Điểm cuối: Giáp đường Đoàn Nhật Nam.
  - Chiều dài: 590m.
  - Mặt cắt ngang: 11,0m.
  - Kết cấu mặt đường: đá dăm, láng nhựa.
12. Đường: **Lê Văn Cao** - tuyến ký hiệu 12.
- Điểm đầu: Giáp đường Đoàn Nhật Nam.
  - Điểm cuối: Giáp Khu dân cư (KDC) nhà bà Siêng.
  - Chiều dài: 380m.
  - Mặt cắt ngang: 13,0m.
  - Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

13. Đường: **Đoàn Nhật Nam** - tuyến ký hiệu 13.

- *Phía Bắc Bệnh viện Đa khoa Đặng Thùy Trâm.*
- Điểm đầu: Giáp đường Phạm Văn Đồng.
- Điểm cuối: Giáp đường Huỳnh Công Thiệu.
- Chiều dài: 220m.
- Mặt cắt ngang: 13,0m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

14. Đường: **Huỳnh Công Thiệu** - tuyến ký hiệu 14.

- Điểm đầu: Giáp đường Trần Hưng Đạo.
- Điểm cuối: Giáp đường Phạm Hữu Nhật.
- Chiều dài: 670m.
- Mặt cắt ngang: 18,0m.
- Kết cấu mặt đường: bê tông nhựa.

15. Đường: **Đỗ Quang Thắng** - tuyến ký hiệu 15.

- *Đường phía bắc UBND huyện (trước Nhà Văn hóa).*
- Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
- Điểm cuối: Giáp đường Phạm Hữu Nhật.
- Chiều dài: 880m.
- Mặt cắt ngang: 18,0m.
- Kết cấu mặt đường: bê tông nhựa.

16. Đường: **Phạm Quang Anh** - tuyến ký hiệu 16.

- Điểm đầu: Giáp đường Trần Hưng Đạo.
- Điểm cuối: Giáp đường Huỳnh Công Thiệu.
- Chiều dài: 640m.
- Mặt cắt ngang: 7,0m.
- Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng.

17. Đường: **Hoàng Sa** - tuyến ký hiệu 17.

- Đường lên nhà ông Bích.
- Điểm đầu: Giáp đường Huỳnh Công Thiệu.
- Điểm cuối: Giáp đường Trường Sa.
- Chiều dài: 380m.
- Mặt cắt ngang: 7,0m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

18. Đường: **Trường Sa** - tuyến ký hiệu 18.

- *Đường ra xóm Muống cũ.*
- Điểm đầu: Giáp đường Trần Hưng Đạo.
- Điểm cuối: Giáp đường Lý Thái Tổ.
- Chiều dài: 590m.
- Mặt cắt ngang: 7,0m.
- Kết cấu mặt đường: bê tông, xi măng.

19. Đường: **Lý Thái Tổ** - tuyến ký hiệu 20.

- *Đường quy hoạch.*
- Điểm đầu: Giáp đường Trần Hưng Đạo.
- Điểm cuối: Giáp đường Trần Phú.

- Chiều dài: 800m.
  - Mặt cắt ngang: 21,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
20. Đường: **Phạm Hữu Nhật** - tuyến ký hiệu 19.
- Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm (*nhà máy nước*).
  - Điểm cuối: Giáp Trạm điện.
  - Chiều dài: 1.000m.
  - Mặt cắt ngang: 26,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
21. Đường: **Nguyễn Công Phương** - tuyến ký hiệu 21.
- Đường nội thị khu dân cư (KDC) quân đội.
  - Điểm đầu: Giáp đường Phạm Hữu Nhật.
  - Điểm cuối: Giáp Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đức Phổ.
  - Chiều dài: 210m.
  - Mặt cắt ngang: 13,0m.
  - Kết cấu mặt đường: cấp phối.
22. Đường: **Trần Phú** - tuyến ký hiệu 22.
- Quốc lộ 1A đi Đài Truyền thanh.
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
  - Điểm cuối: Giáp đường Phạm Văn Đồng (Khu Tưởng niệm Liệt sĩ của huyện).
  - Chiều dài: 620m.
  - Mặt cắt ngang: 26,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
23. Đường: **Nguyễn Siêng** - tuyến ký hiệu 23.
- Điểm đầu: Giáp đường Trần Phú.
  - Điểm cuối: Giáp đường Trần Kiên.
  - Chiều dài: 130m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m
  - Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng.
24. Đường: **Trần Kiên** - tuyến ký hiệu 24.
- Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm (*nhà bác sĩ Đức*).
  - Điểm cuối: Giáp Quang Trung (Ngã 4 Tổ dân phố 1).
  - Chiều dài: 750m.
  - Mặt cắt ngang: 11,0m.
  - Kết cấu mặt đường: đá dăm, láng nhựa.
25. Đường: **Tế Hanh** - tuyến ký hiệu 25.
- Đường xuống nhà bà Cẩm.
  - Điểm đầu: Giáp đường Lê Lợi.
  - Điểm cuối: Giáp đường Trần Kiên.
  - Chiều dài: 140m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
26. Đường: **Lê Thị Hồng Gấm** - tuyến ký hiệu 26.
- Nằm phía đông Huyện ủy Đức Phổ.

- Điểm đầu: Giáp đường Đỗ Quang Thắng.
  - Điểm cuối: Giáp đường Trần Anh Tế.
  - Chiều dài: 180m.
  - Mặt cắt ngang: 11,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
27. Đường: **Trần Anh Tế** - tuyến ký hiệu 27.
- *Nằm đối diện Ao cá Bác Hồ cũ.*
  - Điểm đầu: Giáp ngã tư đường Phạm Văn Đồng.
  - Điểm cuối: Giáp đường Trương Quang Giao.
  - Chiều dài: 250m.
  - Mặt cắt ngang: 11,0m.
  - Kết cấu mặt đường: đá dăm, láng nhựa.
28. Đường: **Trương Quang Giao** - tuyến ký hiệu 28.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Nghiêm.
  - Điểm cuối: Giáp Ngã 4 Tổ dân phố (TDP) 1.
  - Chiều dài: 1.030m.
  - Mặt cắt ngang: 13,0m.
  - Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng.
29. Đường: **Thanh Chương** - tuyến ký hiệu 29.
- Điểm đầu: Giáp đường Trương Quang Giao.
  - Điểm cuối: Giáp đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.
  - Chiều dài: 320m.
  - Mặt cắt ngang: 13,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
30. Đường: **Xô Viết Nghệ Tĩnh** - tuyến ký hiệu 30.
- *Từ Cây xăng bà Nương đi ngã 4 TDP 1.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
  - Điểm cuối: Giáp ngã 4 TDP 1.
  - Chiều dài: 570m.
  - Mặt cắt ngang: 21,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
31. Đường: **Quang Trung** - tuyến ký hiệu 31.
- *Đường đi Bệnh viện cũ.*
  - Điểm đầu: Giáp Ngã 4 TDP 1.
  - Điểm cuối: Giáp đường Nguyễn Tất Thành.
  - Chiều dài: 2.090m.
  - Mặt cắt ngang: 21,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng + láng nhựa.
32. Đường: **Nguyễn Chánh** - tuyến ký hiệu 32.
- *Đường đi xã Phố Vinh.*
  - Điểm đầu: Ngã tư TDP 1.
  - Điểm cuối: Giáp đường Nguyễn Tất Thành (*đường tránh Đông*).
  - Chiều dài: 2.600m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.

- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.
- 33. Đường: **Huỳnh Thúc Kháng** - tuyến ký hiệu 33.
  - Điểm đầu: Giáp đường Hùng Vương (*Quốc lộ 1A – xã Phổ Vinh*).
  - Điểm cuối: Giáp đường Quang Trung.
  - Chiều dài: 550m.
  - Mặt cắt ngang: 32,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (theo qui hoạch).
- 34. Đường: **Phan Long Bằng** - tuyến ký hiệu 34.
  - Điểm đầu: Giáp đường Hùng Vương,
  - điểm cuối: Giáp đường Nguyễn Chánh.
  - Chiều dài: 420m.
  - Mặt cắt ngang: 21,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
- 35. Đường: **Võ Trung Thành** - tuyến ký hiệu 35.
  - *Đường đối diện cafe Cẩm Viên.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
  - Điểm cuối: Giáp Nguyễn Chánh.
  - Chiều dài: 580m.
  - Mặt cắt ngang: 18,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
- 36. Đường: **Hai Bà Trưng** - tuyến ký hiệu 36.
  - *Từ Quốc lộ 1 (đối diện Xí nghiệp Gỗ Trung Anh) đi Trung tâm Thể dục thể thao huyện (TĐTT).*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
  - Điểm cuối: Giáp Trung tâm TĐTT.
  - Chiều dài: 430m.
  - Mặt cắt ngang: 21,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (đường qui hoạch).
- 37. Đường: **Phan Thái Ất** - tuyến ký hiệu 37.
  - *Phía bắc Nhà máy Nước sạch.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
  - Điểm cuối: Giáp đường Võ Tùng.
  - Chiều dài: 980m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: bê tông, xi măng.
- 38. Đường: **Nguyễn Bình Khiêm** - tuyến ký hiệu 38.
  - *Nằm phía đông, sát Trường Nguyễn Nghiêm.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Phan Thái Ất.
  - Điểm cuối: Giáp đường Chu Văn An.
  - Chiều dài: 430m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: bê tông, xi măng.
- 39. Đường: **Võ Tùng** - tuyến ký hiệu 39.
  - *Đường đi về xã Phổ Nhơn.*

- Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Du.
  - Điểm cuối: Giáp đường sắt Bắc - Nam.
  - Chiều dài: 840m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.
40. Đường: **Nguyễn Du** - tuyến ký hiệu 40.
- Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm (*từ cổng ông Võ*).
  - Điểm cuối: Giáp Ga Đức Phổ.
  - Chiều dài: 960m.
  - Mặt cắt ngang: 18,0m.
  - Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.
41. Đường: **Trần Quang Diệu** - tuyến ký hiệu 41.
- Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Du.
  - Điểm cuối: Giáp đường Bùi Thị Xuân.
  - Chiều dài: 410m.
  - Mặt cắt ngang: 13,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
42. Đường: **Nguyễn Đình Chiểu** - tuyến ký hiệu 42.
- *Đường nằm phía Tây Chùa Phước Lâm.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Du.
  - Điểm cuối: Giáp đường Chu Văn An.
  - Chiều dài: 210m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: cấp phối.
43. Đường: **Chu Văn An** - tuyến ký hiệu 43.
- *Đường lên Chùa Phước Lâm.*
  - Điểm đầu: Giáp Ngã 5 Chợ Đức Phổ.
  - Điểm cuối: Giáp đường sắt Bắc - Nam.
  - Chiều dài: 760m.
  - Mặt cắt ngang: 13,0m.
  - Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.
44. Đường: **Trương Định** - tuyến ký hiệu 44.
- *Đường lên Chợ Đức Phổ.*
  - Điểm đầu: Giáp ngã 4 đèn báo hiệu (*đường Nguyễn Nghiêm*).
  - Điểm cuối: Giáp đường Sắt (đập An Thọ).
  - Chiều dài: 1.300m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
45. Đường: **Bùi Thị Xuân** - tuyến ký hiệu 45.
- *Nằm phía Nam chợ Đức Phổ (Quốc lộ 1A lên nhà ông Phúc).*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
  - Điểm cuối: Giáp đường Nguyễn Bá Loan.
  - Chiều dài: 300m.
  - Mặt cắt ngang: 13,0m.

- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
- 46. Đường: **Nguyễn Bá Loan** - tuyến ký hiệu 46.
  - *Suối Diên đi Sân Vận động xã Phổ Hòa.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Trương Định,
  - Điểm cuối: Giáp đường đi Sân vận động xã Phổ Hòa (cũ).
  - Chiều dài: 360m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
- 47. Đường: **Hồ Xuân Hương** - tuyến ký hiệu 47.
  - *Đường lên nhà ông Bùi Tất Thắng.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm.
  - Điểm cuối: Giáp đường sắt Bắc - Nam.
  - Chiều dài: 500m.
  - Mặt cắt ngang: 7,0m
  - Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng.
- 48. Đường: **Phạm Xuân Hòa** - tuyến ký hiệu 48.
  - *Từ Cầu Bàu đến Trạm Cảnh sát giao thông phía Nam.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Hùng Vương.
  - Điểm cuối: Giáp đường Nguyễn Tất Thành.
  - Chiều dài: 3.500m.
  - Mặt cắt ngang: 32,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
- 49. Đường: **Hùng Vương** - tuyến ký hiệu 49.
  - *Đường Quốc lộ 1A đi xã Phổ Vinh.*
  - Điểm đầu: Giáp đường Nguyễn Nghiêm (*đường Quốc lộ 1A*).
  - Điểm cuối: Giáp Cửa biển Mỹ Á.
  - Chiều dài: 4.000m.
  - Mặt cắt ngang: 41,0m.
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

## II. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

### 1. Quảng trường 8 tháng 10

Địa điểm: Gò Hội.

### 2. Công viên 23 tháng 3

Địa điểm: Gò Hội./.

-----